TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯ NGHĨA** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 9 - 2022.
V/v: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Bốn.

2. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi* tham gia phiên tòa**: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 23/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2022/QĐST - HNGĐ ngày08/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Kim T, sinh 1992. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đôi 5, thôn Vạn A, xã Nghĩa T, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Phạm Vũ H, sinh 1987. (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Đội 4, thôn Năng X, xã Nghĩa H, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2022, bản tự khai ngày 30/6/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Bùi Kim T trình bày:

Qua tìm hiểu chị và anh Phạm Vũ H tự nguyện tìm hiểu yêu đương được hai bên gia đình tổ cưới lễ cước và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Nghĩa T, huyện Tư N vào ngày 06/12/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm lối sống, không thương yêu, anh H không quan tâm chăm sóc vợ con. Nguyên nhân anh H thường xuyên uống nhậu say xỉn, la chửi vợ con. Thương con còn nhỏ chị cố gắng nhẫn nhịn, hy vọng anh H sớm thây đổi để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng tình hình không thay đổi.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Vũ H.

Về con chung: Có 01 con tên Phạm Bùi Duy K, sinh ngày 10/02/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi con, chị không yêu cầu anh Phạm Vũ H cấp dưỡng nuôi con.

Về sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Phạm Vũ H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa để làm việc, anh từ chối trình bày về việc nguyên đơn khởi kiện.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Kim T. Chị T phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ và hợp lệ cho anh Phạm Vũ H được quy định tại Điều 174 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh H đều không hợp tác và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Anh H vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa xét xử, chị T có đơn

xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Kim T và anh Phạm Vũ H có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa T, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ được quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo lời tình bày của chị T trong quá trình vợ chồng chị chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó dần dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Hơn nửa anh H không quan tâm đến vợ con, chị nhẫn nhịn hy vọng anh H thay đổi nhưng không cải thiện. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể cứu vãn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Vũ H.

[2.3] Đối với anh Phạm Vũ H trong quá trình Tòa thụ lý giải quyết, Tòa án triệu tập anh đến làm việc nhưng anh không đến khai báo, anh cũng không có ý kiến gì về việc chị Thoa yêu cầu ly hôn anh. Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều văn bản tố tụng của Tòa án được quy định tại Điều 174 Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng anh H không hợp tác, có thái độ cố tình tránh né, gây khó khăn trong quá trình giải quyết vu án.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng anh và chị không làm được. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm không tiến triển mà còn trở nên trầm trọng, nguyên nhân là do anh H. Từ đó vợ chồng không quan tâm lẫn nhau. Xét tình cảm vợ chồng đã rạng nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng chỉ là ràng buộc. Do đó, để giải phóng cho đôi bên có cuộc sống riêng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Kim T được ly hôn anh Phạm Vũ H.

[2.4] Về con chung: Có 01 con tên Phạm Bùi Duy K, sinh ngày 10/02/2020. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi con, chị không yêu cầu anh Phạm Vũ H cấp dưỡng nuôi con, nên được chấp nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Bùi Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Kim T được ly hôn anh Phạm Vũ H.

2. Về con chung: Giao cháu tên Phạm Bùi Duy K, sinh ngày 10/02/2020 cho chị Bùi Kim T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị T không yêu cầu anh Phạm Vũ H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Bùi Kim T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Thoa đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002133 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Quảng Ngãi;

-VKSND huyện Tư Nghĩa;

- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa T, huyện Tư N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hồng Sơn – Nguyễn Tấn Bốn **Võ Ngọc Thông**